

Số: /TB-CVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021; Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc Hội; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-BKHCN ngày 01/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phân công các nhiệm vụ triển khai hoạt động niêm yết, đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông; đấu giá quyền sử dụng tên

miền quốc gia Việt Nam “.vn” tại Luật Viễn thông, Nghị định số 115/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 4006/QĐ-BKHCN ngày 03/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông gồm các số dịch vụ giải đáp thông tin (số dịch vụ toàn quốc) 1299, 1500, 1515, 1555, 1558;

Căn cứ Quyết định số 4007/QĐ-BKHCN ngày 03/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông gồm các số dịch vụ giải đáp thông tin (số dịch vụ toàn quốc) 1299, 1500, 1515, 1555, 1558;

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-CVT ngày 05/12/2025 của Cục trưởng Cục Viễn thông về việc ban hành phương án triển khai Kế hoạch tổ chức đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông gồm các số dịch vụ giải đáp thông tin (số dịch vụ toàn quốc) 1299, 1500, 1515, 1555, 1558 theo Quyết định số 4007/QĐ-BKHCN ngày 03/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-CVT ngày 09/12/2025 của Cục trưởng Cục Viễn thông về việc phê duyệt tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cho đấu giá số dịch vụ giải đáp thông tin (số dịch vụ toàn quốc): 1299, 1500, 1515, 1555, 1558.

Cục Viễn thông Thông báo việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và tiêu chí lựa chọn như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá

Bộ Khoa học và Công nghệ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

2. Tên, địa chỉ của người được giao nhiệm vụ lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

Địa chỉ: Tầng 27 Tòa nhà VNTA, số 68 đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

3. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá khởi điểm	Mô tả tài sản
1	Số dịch vụ giải đáp thông tin 1299	01	1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng)	Số dịch vụ giải đáp thông tin (số dịch vụ toàn quốc 4 chữ số)
2	Số dịch vụ giải	01	1.000.000.000 đồng	Số dịch vụ giải đáp

	đáp thông tin 1500		(Bằng chữ: Một tỷ đồng)	thông tin (số dịch vụ toàn quốc 4 chữ số)
3	Số dịch vụ giải đáp thông tin 1515	01	1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng)	Số dịch vụ giải đáp thông tin (số dịch vụ toàn quốc 4 chữ số)
4	Số dịch vụ giải đáp thông tin 1555	01	1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng)	Số dịch vụ giải đáp thông tin (số dịch vụ toàn quốc 4 chữ số)
5	Số dịch vụ giải đáp thông tin 1558	01	1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng)	Số dịch vụ giải đáp thông tin (số dịch vụ toàn quốc 4 chữ số)

4. Hình thức, phương thức đấu giá

- Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tuyến
- Phương thức đấu giá: Đấu giá theo phương thức trả giá lên.

5. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

- Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

Các tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	10,0
1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	5,0
2.	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	5,0

2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0

2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	2,0
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.	1,0
2	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản theo hình thức đấu giá trực tuyến với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	1,0
Tổng số điểm		94

Ghi chú:

- Việc đánh giá, chấm điểm và các nội dung liên quan về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gửi kèm theo Bảng tự chấm điểm theo nội dung các tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản quy định tại mục 5 thông báo này.

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 08h00 sáng ngày 10/12/2025 đến 17h00 ngày 15/12/2025.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cục Viễn thông, địa chỉ: Tầng 27 Tòa nhà VNTA, số 68 đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Điện thoại liên hệ: 024.3943.6608.

- Hồ sơ do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp tham gia lựa chọn bằng bản giấy và tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP; nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện đến 17h00 ngày 15/12/2025). Trường hợp nộp trực tiếp, người đến nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và xuất trình Căn cước công dân bản chính.

Cục Viễn thông chỉ thông báo kết quả cho Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn; những tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được thông báo

được hiểu là không được lựa chọn và không được hoàn trả hồ sơ.

Cục Viễn thông trân trọng thông báo tới các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có nhu cầu tham gia được biết và nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản./.

Nơi nhận:

- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Trung tâm Truyền thông Khoa học và Công nghệ (đề p/h);
- Cổng TTĐT Bộ KH&CN (Trung tâm CNTT đề đăng tải);
- Trang TTĐT Cục Viễn thông (TTHT đề đăng tải);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long (đề b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thành Chung